

Mã số: 454
Ngày nhận: 20/11/2017
Ngày gửi phản biện lần 1: /2017
Ngày gửi phản biện lần 2:
Ngày hoàn thành biên tập: 29/1/2018
Ngày duyệt đăng: 29/1/2018

CƠ CHẾ TÀI PHÁN ĐẦU TƯ TRONG EVFTA VÀ SỰ CHUẨN BỊ CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Phương Linh¹

Tóm tắt

Giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài đang trở thành sự lựa chọn phổ biến với các nhà đầu tư tại Việt Nam. Số lượng tranh chấp đăng ký giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) trong những năm gần đây đã không ngừng tăng lên. Tuy nhiên, các nhà đầu tư Châu Âu ở Việt Nam vẫn quan ngại rằng trên thực tế rất khó khăn để đạt được sự công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thông qua các tòa án Việt Nam. Hiện tại, Hiệp định Thương mại Tự do Châu Âu - Việt Nam (EVFTA) - dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2018 - đã đưa ra một hệ thống tài phán đầu tư mới (Investment Tribunal System) hay còn được biết đến với tên gọi Investment Court System (ICS) để giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư – nhà nước (ISDS) thay cho cơ chế ISDS dựa trên trọng tài truyền thống. Bài viết này tập trung phân tích, đánh giá cơ chế tài phán này, thực trạng công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho sự chuẩn bị của Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực.

Từ khóa: *Hiệp định EVFTA, tranh chấp nhà đầu tư - nhà nước, ISDS, trọng tài, tòa án đầu tư, nhà đầu tư Châu Âu, Châu Âu, tranh chấp đầu tư.*

¹ Trường Đại học Ngoại thương, Email: phuonglinh@ftu.edu.vn

Abstract:

Arbitration activities in Vietnam is becoming a popular choice of investors in dispute resolution. The number of disputes filed to Vietnam International Arbitration Center (VIAC) has sharply increased in recent years. However, European investors in Vietnam repeatedly raised concerns that it is extremely difficult in practice to achieve the recognition and enforcement of foreign arbitral awards through the Vietnamese courts. Now the EU – Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) which is expected to take effect in 2018 has imposed a new two-tier investment court system (ICS) for investors-States dispute settlement (ISDS) instead of traditional arbitration-based ISDS. This paper focuses on analyzing the compatibility between the ICS mechanism and Vietnam legal framework and current practice in recognition and enforcement of foreign arbitral awards, thereby proposing some recommendations for Vietnam's preparation with the EVFTA ahead.

Keywords: *EVFTA, ISDS, arbitration, investment court, EU, EU investors, investment disputes.*

1. Đặt vấn đề

Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, mạng lưới các Hiệp định Đầu tư Quốc tế (IIAs) bắt đầu hình thành và mang đến cho các nhà đầu tư những cơ hội tốt hơn cao hơn về khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Cụ thể, một nhà đầu tư nước ngoài - trong trường hợp bị ảnh hưởng từ một hành động, hay chính sách của nước tiếp nhận đầu tư mà gây ra tổn thất, thiệt hại về lợi ích kinh tế cho phần đầu tư của mình - có thể kiện trực tiếp chính phủ của nước tiếp nhận đầu tư và yêu cầu bồi thường, dựa trên các Điều ước mà nước chủ đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư đã ký kết. Các vụ tranh chấp giữa nhà đầu tư - nhà nước (ISDS) này sẽ được giải quyết tại tòa án trọng tài quốc tế; các nhà đầu tư sẽ đóng vai trò là một trong các bên tranh chấp, tham gia trực tiếp vào quy trình tố tụng trọng tài, thay vì phải trông đợi vào sự bảo vệ ngoại giao như trước kia. Ngày nay, cơ chế ISDS được đưa vào trong hầu hết các IIAs - phần lớn là các hiệp định đầu tư song phương (BITs) và các hiệp định thương mại tự do (FTAs) với các chương về đầu tư – đóng vai trò là một công cụ thiết yếu để các quốc gia đảm bảo tuân thủ các cam kết mà họ đã đưa ra trong IIAs.

Ngoài hai hình thức lựa chọn trọng tài phổ biến cho ISDS (trọng tài quy chế và trọng tài vụ việc), một cơ chế hoàn toàn mới – một hệ thống tài phán đầu tư (Investment Tribunal System) hay còn được biết đến với tên Investment Court System (ICS) mà Ủy ban Châu Âu (EC) đã thảo ra trong các hiệp định thương mại đang được đàm phán gần đây: Hiệp định Kinh tế và Thương mại Toàn diện giữa EU và Canada (CETA); Hiệp định Tự do Mậu dịch xuyên Đại Tây Dương (TTIP); và đặc biệt gần đây nhất là Hiệp định tự do thương mại Châu Âu – Việt Nam (EVFTA). Cơ chế tài phán ICS dự kiến sẽ thay thế và cải cách hệ thống trọng tài truyền thống trong ISDS và cải thiện những hạn chế nhất định mà trọng tài ISDS đã tồn tại từ lâu. Vì vậy, việc nghiên cứu tình hình công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam để đánh giá mức độ tương thích giữa quy định của Việt Nam so với quy định của cơ chế tài phán trong EVFTA và từ đó rút ra khuyến nghị cho Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết liên quan tới ICS theo EVFTA là hết sức cần thiết.

2. Cơ chế ICS trong EVFTA

Về cơ cấu tổ chức của ICS

Sự khác biệt rõ rệt nhất giữa cơ chế tài phán ICS và cơ chế ISDS truyền thống bằng trọng tài là ở cơ cấu tổ chức. Từ trước đến nay, các vụ kiện ISDS được xét xử bởi hội đồng tài phán (Tribunal) tại các trung tâm trọng tài quốc tế, bao gồm các trọng tài viên mà mỗi bên tham gia đề xuất lựa chọn (thường là 3 người), chỉ có một cấp sơ thẩm,

và phán quyết của hội đồng trọng tài được coi là phán quyết cuối cùng (final award) và có giá trị chung thẩm, có tính ràng buộc giữa hai bên tranh chấp. Tuy nhiên, ICS sẽ được thành lập là một cơ quan giải quyết tranh chấp đầu tư thường trực, gồm hai cấp sơ thẩm (Tribunal) và phúc thẩm (Appeal Tribunal) để xét xử các vụ kiện ISDS.

Theo EVFTA, Ban Sơ thẩm sẽ gồm 9 thành viên, Ban Phúc thẩm gồm 6 thành viên, trong đó 1/3 mang quốc tịch Việt Nam, 1/3 mang quốc tịch Châu Âu và 1/3 thành viên còn lại mang quốc tịch của quốc gia thứ ba. Các thành viên sẽ do Ủy ban Thương mại – được thành lập theo Hiệp định – bổ nhiệm dựa trên cơ sở đồng thuận giữa hai bên. Mỗi vụ việc sẽ được xét xử bởi tiểu ban (division) là nhóm 03 người, với quy định tỉ lệ thành viên tương tự như trên (Điều 12, 13, Chương 8 EVFTA). Trong TTIP và CETA, cơ cấu của ICS cũng gồm 2 ban sơ thẩm, phúc thẩm như vậy với nội dung về tỉ lệ thành viên giống như EVFTA, duy chỉ khác về số lượng.

Về tiêu chuẩn yêu cầu dành cho thành viên của ICS

EVFTA cũng đặt ra những tiêu chuẩn cao về năng lực lẫn đạo đức mà thành viên ICS đại diện cho Việt Nam và EU đều phải đáp ứng để được bổ nhiệm và duy trì nhiệm kỳ 4 năm. “Các thành viên hội đồng tài phán phải là người có bằng cấp chuyên môn để đảm nhận các vị trí công việc tại phòng tư pháp hoặc phải là những luật gia được công nhận tại quốc gia của họ” (Điều 12, Chương 8, EVFTA). Ngoài ra, họ cũng phải chứng minh được mình có chuyên môn trong lĩnh vực công pháp quốc tế. Các thành viên sẽ phải là người không có quan hệ với bất kỳ chính phủ nào, không chịu sự chỉ đạo của bất kỳ chính phủ hay tổ chức nào, không tham gia các vụ tranh chấp mà có thể tạo ra xung đột lợi ích dù trực tiếp hay gián tiếp, dù với vai trò tư vấn hay chuyên gia.

Ra phán quyết

Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết được bằng con đường thương lượng (sau 6 tháng kể từ ngày gửi yêu cầu tiến hành đàm phán) thì bên nguyên đơn lúc này được tiến hành nộp hồ sơ khiếu kiện lên Hội đồng Tài phán theo thủ tục và quy định của EVFTA (Điều 6,7,8,9 Chương 8). Nếu như hồ sơ khiếu kiện đã đầy đủ và hợp quy, vụ tranh chấp sẽ được thụ lý bởi Ban sơ thẩm, được thành lập theo quy định tại Điều 12. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ khiếu kiện, Chủ tịch Ban sơ thẩm ra quyết định thành lập tiểu ban để tiến hành xét xử vụ tranh chấp. Khi xét xử, Hội đồng tài phán sẽ xác định xem biện pháp đang tranh chấp có vi phạm các quy định của Hiệp định EVFTA hay không; và căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng có quyền đưa ra phán quyết buộc một bên có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại hoặc hoàn trả lại tài sản. Luật

áp dụng trong quá trình xét xử là các điều khoản Hiệp định, các nguyên tắc của pháp luật quốc tế giữa các Bên; luật quốc gia sẽ chỉ áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan tới tình tiết của vụ kiện (*matter of fact*). Sau *18 tháng* kể từ ngày nộp hồ sơ khiếu kiện, Hội đồng tài phán sơ thẩm sẽ ban hành *phán quyết tạm thời* (Điều 27, chương 8 EVFTA). Lúc này, nếu có bên nào không đồng ý với phán quyết này có thể kháng cáo và tiếp tục giải quyết tại Hội đồng phúc thẩm (được thành lập theo Điều 31). Những căn cứ để yêu cầu phúc thẩm cũng được quy định rõ ràng và chặt chẽ, như là phải chứng minh được Ban sơ thẩm đã sai sót trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Luật, nếu không Ban phúc thẩm có quyền từ chối hồ sơ kháng cáo vì thiếu cơ sở pháp lý. Khung thời gian cho thủ tục phúc thẩm cũng chỉ được giới hạn tối đa là *270 ngày*, để tránh kéo dài gây mất thời gian và tốn kém chi phí cho cả hai bên. Nếu sau *90 ngày* kể từ khi phán quyết tạm thời được đưa ra mà không có kháng cáo thì sẽ trở thành phán quyết cuối cùng và có giá trị chung thẩm (Điều 31, chương 8 EVFTA).

Thực thi phán quyết

Phán quyết cuối cùng có giá trị chung thẩm có nghĩa rằng, một khi đã có phán quyết cuối cùng thì các bên tranh chấp không còn quyền kháng cáo mà chính phủ hai bên ký kết hiệp định đều phải công nhận và thực thi phán quyết như là phán quyết của Tòa án nước mình, thực hiện theo pháp luật của quốc gia nơi phán quyết được thi hành. Tuy nhiên, trong 5 năm đầu tiên kể từ khi EVFTA có hiệu lực, điều khoản này chưa phải áp dụng ngay lập tức, mà việc công nhận và thực thi phán quyết của hội đồng tài phán tại Việt Nam sẽ được điều chỉnh theo Công ước New York 1958.

Với bản chất là một cơ quan tài phán thường trực được thành lập theo khuôn khổ Hiệp định, Hội đồng tài phán của EVFTA sẽ có quyền hạn đảm nhiệm xét xử các vụ tranh chấp nhà đầu tư – nhà nước giữa Việt Nam và EU; điều này cho thấy cơ chế tài phán này còn được thiết lập với mục đích nhằm loại bỏ khả năng *forum shopping* (các bên tranh chấp được tự thỏa thuận để lựa chọn trọng tài xét xử hoặc nơi xét xử có lợi nhất cho mình) vốn được tận dụng trong các vụ kiện ISDS. Với những cam kết cao và quy định chặt chẽ cho một cơ chế tài phán đầu tư như vậy, việc đánh giá sự tương thích giữa cơ chế này và các quy định pháp luật trong nước của Việt Nam về công nhận và thực thi phán quyết của trọng tài quốc tế tại thời điểm này có ý nghĩa quan trọng khi EVFTA có hiệu lực.

3. Đánh giá sự tương thích giữa quy định ICS trong EVFTA với pháp luật Việt Nam

3.1 Khung pháp lý

Tại Việt Nam, hoạt động trọng tài chủ yếu đang được điều chỉnh bởi hai nguồn luật:

- Luật Trọng tài thương mại năm 2010
- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Ngoài ra còn có một số văn bản dưới luật khác như:

- Nghị định 63/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.
- Nghị quyết số 01/2014/ NQ-NĐTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại.

Bên cạnh đó, phán quyết trọng tài quốc tế ở Việt Nam cũng được điều chỉnh bởi Công ước New York 1958 (NYC) về “Công nhận và thi hành các quyết định của trọng tài nước ngoài” mà Việt Nam đã là thành viên từ năm 1995. Theo Công ước, các quốc gia thành viên sẽ phải công nhận giá trị ràng buộc của các phán quyết trọng tài và thi hành chúng theo quy tắc về thủ tục của lãnh thổ nơi quyết định sẽ được thi hành, và theo các điều kiện quy định trong Công ước. Điều 5 của Công ước cũng liệt kê ra những trường hợp ngoại lệ mà theo đó một quốc gia có thể từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Ngoài các căn cứ như do lỗi các bên trong thỏa thuận trọng tài không đủ năng lực pháp lý, do lỗi không có thông báo thích đáng cho bên phải thi hành phán quyết về tố tụng, do lỗi về thành phần trọng tài xét xử, v.v..., thì việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài có thể bị từ chối nếu như tòa án quốc gia tại nơi thi hành cho rằng:

- Đối tượng của vụ tranh chấp không thể giải quyết bởi trọng tài theo luật pháp của nước đó; hoặc
- Việc công nhận và thi hành phán quyết trái với trật tự công của nước đó.

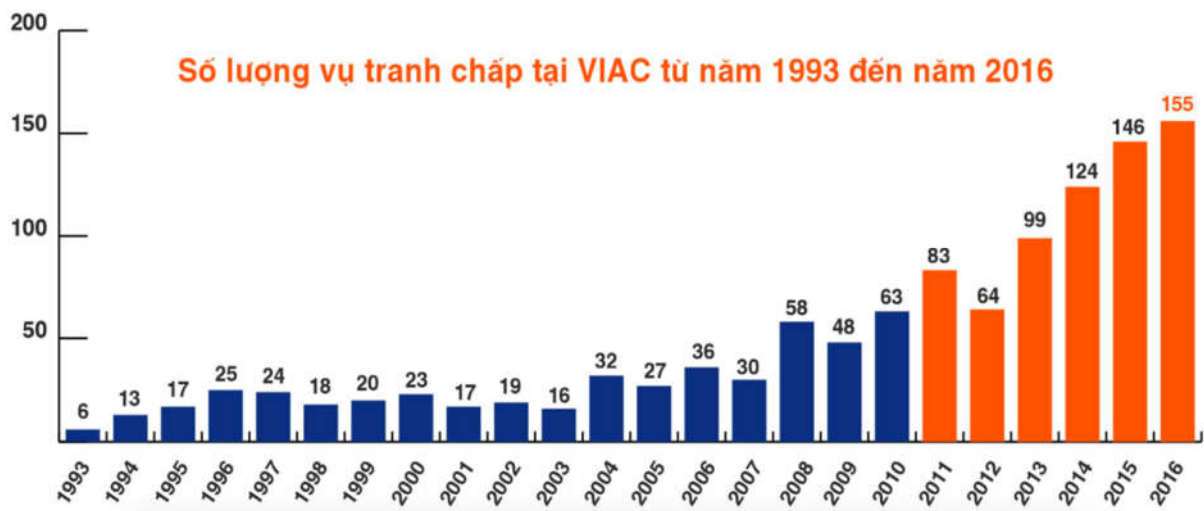
Với cơ sở pháp lý như trên, tình hình công nhận và thực thi phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trên thực tế còn không ít hạn chế.

3.2. Thực tiễn công nhận và thực thi phán quyết trọng tài quốc tế tại Việt Nam

Trong bối cảnh các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế ngày càng phát triển sâu rộng, phương thức trọng tài theo đó cũng được lựa chọn và khuyến khích áp dụng. Luật TTTM năm 2010 và Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại nhằm

cung cấp những quy định khung điều chỉnh hoạt động trọng tài, cũng như hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các trung tâm trọng tài tại Việt Nam. Trong số 18 trung tâm trọng tài trên cả nước, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) là trung tâm tiêu biểu và phát triển mạnh mẽ trong việc xúc tiến nâng cao hiệu quả hoạt động trọng tài quốc tế tại Việt Nam. Phần lớn các tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài tại Việt Nam được tiến hành bởi VIAC, với con số trung bình là 60 vụ/năm, trong khi các trung tâm trọng tài khác chỉ thụ lý 5-10 vụ/năm (Phan Hồng Nguyên, 2017). Đặc biệt trong 5 năm liên tiếp gần đây, số lượng vụ kiện đăng ký tại VIAC đều tăng, đỉnh điểm vào năm 2016, VIAC nhận được 155 vụ kiện mới (Hình 1).

Hình 1. Số lượng các tranh chấp được giải quyết tại VIAC từ năm 1993 đến 2016



Nguồn: VIAC²

Tuy nhiên, theo khảo sát của Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (Eurocham) thì lý do việc giải quyết tranh chấp trọng tài tại VIAC ngày càng được ưu tiên lựa chọn ít liên quan tới hiệu quả xử lý của VIAC, mà là vì các nhà đầu tư Châu Âu quan ngại rằng đạt được sự công nhận và thi hành phán quyết của các trọng tài nước ngoài khác (ngoài VIAC) thông qua tòa án Việt Nam là vô cùng khó khăn (Sách Trắng, Eurocham, 2017).

Thứ nhất, Luật TTTM 2010 của Việt Nam quy định các tòa án Việt Nam có thể từ chối áp dụng phán quyết của trọng tài nước ngoài nếu phán quyết đó vi phạm *các nguyên*

² VIAC website: <http://viac.vn/thong-ke/thong-ke-tinh-hinh-giai-quyet-tranh-chap-tai-viac-nam-2016-a749.html>

tắc cơ bản của luật pháp Việt Nam (Điều 68, LTTM 2010); nhưng hiện tại không có văn bản pháp luật nào xác định "các nguyên tắc cơ bản của luật pháp Việt Nam" là những nguyên tắc gì. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP có đưa ra một giải thích rằng "*phán quyết trọng tài vi phạm các nguyên tắc cơ bản của Luật Việt Nam*" có nghĩa là phán quyết "vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam" (Điều 14, đ), nhưng cách giải thích này cũng chưa thỏa đáng. Thực tế Việt Nam đã có sự thay đổi cách tiếp cận với thuật ngữ "các nguyên tắc cơ bản của pháp luật" so với tinh thần của Công ước New York 1958 với thuật ngữ "trật tự công" (public policy) và thậm chí là của Luật Mẫu UNCITRAL (Điều 34 (2)(b)(ii)). Việc đánh giá liệu phán quyết của trọng tài có vi phạm các quy định thuộc lĩnh vực luật công hay không, tức là có trái với mục đích bảo vệ lợi ích công của nhà nước, của toàn thể cộng đồng (*trái với trật tự công*) sẽ khả thi và thống nhất hơn nhiều so với đánh giá phán quyết có vi phạm các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam hay không.

Sự khác biệt này đối với Công ước New York 1958 dễ gây nhầm lẫn và chệch hướng trong việc diễn giải các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại tòa án trong nước, dẫn đến việc tòa án Việt Nam dễ dàng từ chối thực thi các quyết định trọng tài nước ngoài. Chưa kể đến các trường hợp tòa án Việt Nam từ chối các phán quyết dựa trên các căn cứ thiếu cơ sở khác. Ví dụ, phán quyết của VIAC đã bị từ chối công nhận khi bên bị đơn khiếu nại rằng quá trình xét xử trọng tài giữa hai bên đã diễn ra bằng tiếng Việt, trái với thỏa thuận trọng tài giữa hai bên quy định sẽ dùng tiếng Anh. Khiếu nại này đã được tòa án chấp nhận và từ chối công nhận phán quyết, mặc dù bên nguyên đơn đã cung cấp bằng chứng về sự chấp thuận xét xử bằng tiếng Việt từ phía luật sư bị đơn, và mặc dù vấn đề ngôn ngữ không phải là một vấn đề mang tính quyết định trong bản chất tố tụng xét xử tranh chấp (Sách Trắng, Eurocham, 2016).

Thứ hai, một vấn đề quan trọng nữa là hiện trạng đảo ngược *nghĩa vụ chứng minh* (burden of proof). Theo quy định của Công ước New York 1958, nếu bên phải thi hành phán quyết (award debtor) muốn phản đối việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, chính bên đó sẽ phải cung cấp bằng chứng để chứng minh phản đối của mình là hợp lý. Tại Việt Nam thì bên được thi hành (award creditor) lại phải cung cấp bằng chứng để bác bỏ lại phản đối của bên kia (Điều 35, Luật Trọng tài thương mại 2010). Điều này dẫn đến việc bên phải thi hành án có thể cố tình đưa ra thật nhiều phản đối, khiếu nại, thậm chí là vô lý cốt để gây trở ngại quyền lợi hợp pháp của bên được thi hành.

Tóm lại, tại Việt Nam hiện không có quy định nào về một cơ chế giải quyết tranh chấp nhà đầu tư- Nhà nước (ISDS) tương tự như ICS, nên pháp luật Việt Nam chưa tương thích với cam kết về nội dung tài phán đầu tư trong EVFTA (VCCI, 2016). Hơn nữa, quy định về công nhận và thực thi phán quyết trọng tài quốc tế tại Việt Nam cũng chưa tương thích với Công ước New York 1958. Nếu như xét đến cam kết trong EVFTA rằng trong 05 năm đầu tiên kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, việc công nhận và thực thi phán quyết trọng tài quốc tế tại Việt Nam phải được thực hiện theo Công ước, thì nội dung cam kết này vẫn chưa được đáp ứng.

Sau 5 năm, phán quyết cuối cùng của cơ chế tài phán ICS về các vụ tranh chấp mà Việt Nam là bị đơn sẽ không thuộc điều chỉnh của Công ước New York nữa, mà sẽ có giá trị ràng buộc tuyệt đối, không được kháng cáo, xét lại, bãi miễn, hay huỷ bỏ, và phải được thi hành như thể là phán quyết cuối cùng của Tòa án ở Việt Nam (Điều 31 khoản 1, 2 Chương 8 EVFTA). Nói cách khác, Việt Nam chỉ có 5 năm để chuẩn bị, hoàn thiện, và đưa các quy định pháp lý của mình đến gần hơn với các nguyên tắc quốc tế, giúp thực hiện được các cam kết của mình một khi đã tham gia vào EVFTA.

3. Một số khuyến nghị thay cho lời kết

Để khắc phục được những điểm chưa tương thích giữa quy định của Việt Nam và của EVFTA nêu trên, cũng như để có thể thực hiện được các cam kết đối với hệ thống tài phán đầu tư của EVFTA, một số nỗ lực từ phía Việt Nam cần được thực hiện để chuẩn bị cho Hiệp định này khi bắt đầu có hiệu lực, cụ thể là:

- Nội luật hóa các quy định liên quan đến thực thi các cam kết liên quan đến ISDS

Hiện tại, các quy định pháp luật của Việt Nam về công nhận và thực thi phán quyết trọng tài nước ngoài chưa tương thích với cơ chế tài phán đầu tư ICS của EVFTA, nên các cam kết về cơ chế tài phán này cần được nội luật hóa vào trong hệ thống pháp luật trong nước, cụ thể hóa những quy định nào sẽ áp dụng riêng với nhà đầu tư Châu Âu chứ không dành cho các đối tượng khác. Báo cáo của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng đã đề xuất giải pháp là sớm ban hành một văn bản có giá trị pháp lý ngang luật hoặc dưới luật, hướng dẫn thực thi EVFTA về ISDS.

- Hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan để thực hiện nghĩa vụ theo Công ước New York 1958

Trong giai đoạn 5 năm việc công nhận và thực thi phán quyết trọng tài ICS được điều chỉnh theo Công ước New York 1958, các tòa án Việt Nam vẫn được quyền xem xét và từ chối phán quyết. Vì vậy, các điểm hiện đang bất cập so với quy định của Công

ước New York cần điều chỉnh lại, cụ thể là (i) căn cứ từ chối phán quyết bằng “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật” và (ii) nghĩa vụ minh chứng cần phải được điều chỉnh lại giống như quy định của Công Ước New York 1958 như đã phân tích ở trên.

- Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu online

Một website đặc biệt dành riêng cho việc thực hiện các cam kết về ICS trong EVFTA cần được thiết lập. Website này sẽ cung cấp các thông tin hướng dẫn các thủ tục cần thiết cho các nhà đầu tư về quy trình nộp đơn khởi kiện tại Hội đồng tài phán, cũng như dùng để công bố các văn bản tài liệu yêu cầu theo quy định của EVFTA về tính minh bạch (Transparency). Việc được tiếp cận đầy đủ với các thông tin cập nhật nhất, chi tiết nhất cũng sẽ giúp cho các nhà đầu tư Việt Nam nắm rõ luật chơi hơn, và được “trang bị” tốt hơn trong sân chơi pháp luật quốc tế này.

- Phối hợp giữa các cơ quan chức năng

Các cơ quan có thẩm quyền liên quan cần phối hợp với nhau để thiết lập và duy trì được một hệ thống tài phán vận hành ổn định và hiệu quả. Cụ thể, các cam kết về ICS trong hiệp định sẽ liên quan trực tiếp và nhiều nhất tới Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Tư pháp cần phối hợp Bộ KH&ĐT trong nhiều công việc, ví dụ như tư vấn chuyên môn về lĩnh vực đầu tư, để tìm kiếm các thẩm phán, các chuyên gia có kinh nghiệm dày dặn nhất và năng lực cao nhất trong lĩnh vực tranh chấp đầu tư nước ngoài để bổ nhiệm làm thành viên hội đồng tài phán ICS. Bộ KH&ĐT sẽ cập nhật các thông tin chi tiết về hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư Châu Âu tại Việt Nam và cung cấp cho Bộ Tư pháp một cách kịp thời, nhằm làm căn cứ để loại bỏ sớm các đơn khiếu nại thiếu căn cứ của các nhà đầu tư Châu Âu và giúp giảm thiểu các tranh chấp đầu tư có thể phát sinh sau này.

- Nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực có liên quan

Việc áp dụng cơ chế ICS hoàn toàn mới chắc chắn sẽ cần hỗ trợ pháp lý rất nhiều để đào tạo và nâng cao năng lực nguồn nhân lực bao gồm cán bộ nhân viên trong khối tư pháp như Bộ Tư Pháp, Tòa án nhân dân các cấp, trong khối hành chính quản lý đầu tư như Bộ KH&ĐT, Ủy Ban Nhân dân tỉnh, Sở KH&ĐT cấp tỉnh. Đặc biệt, các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về giải quyết các yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài nên được tổ chức dành riêng cho các thẩm phán ở cấp tỉnh và cấp phúc thẩm. Cuối cùng, các hoạt động như hội thảo quốc tế chia sẻ kinh nghiệm, các chương trình tập huấn, v.v... cũng cần được tăng cường để phát huy vai trò của các nhà nghiên cứu, chuyên gia trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Catharine Titi, *The European Union's Proposal for an International Investment Court: Significance, Innovations and Challenges Ahead* (April 9, 2016). Transnational Dispute Management 1, 2017 (advance publication 25 May 2016). Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=2711943>.
2. Corinne Nguyen, Anh Duong Vu, *Arbitration in Vietnam* in *Journal of International Arbitration*, Issue 5 Volume 31 (2014) pp. 675-682.
3. Công Ước New York 1958 về Công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài.
4. Hannes Lenk, *An investment Court System for the new generation of EU trade and investment agreements: A discussion of the free trade agreement with Vietnam and the comprehensive economic and trade agreement with Canada*, European Papers Vol.1, 2016, No 2 pp.665-667.
5. Nghị quyết số 01/2014/ NQ-NDTP về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại, ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2014.
6. Nguyen Manh Dzong, Dang Vu Minh Ha, *Vietnam Arbitration Guide*, 2014, International Bar Association. Available at: <https://www.ibanet.org/Article/NewDetail.aspx?ArticleUid=a646cf32-0ad8-4666-876b-c3d045028e64>.
7. Văn kiện Hiệp định Thương mại tự do Châu Âu – Việt Nam.
8. Phan Hồng Nguyên, 2017, *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam thời gian qua*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=143>.
9. Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2016), *Báo cáo rà soát Pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU về đầu tư*, Hà Nội.
10. Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (Eurocham) (2017), *Sách Trắng*, Hà Nội.
11. Website VIAC: <http://viac.vn/index.php>.